

Bản án số: **46/2024/HS - ST**
Ngày: 15 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bà Hoàng Thị Thoa

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Nguyễn Sơn Hoá

Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa

Bà Hoàng Thị Bích Huệ

Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/HSST ngày 01/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 01/3/2024; đối với bị cáo có lý lịch như sau:

Họ và tên: **LƯƠNG THỊ TÂN V**, sinh năm 1962

Nơi thường trú: 2B L Y, Phường T, quận H, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Gia Húc (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Năm (đã chết); Chồng: Lý Minh Cường (đã ly hôn); Có 03 con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 263/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam số 5 – Bộ Công An (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, Hưng Yên (có mặt).

2. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Cảnh Lâm, Tân Việt, Yên Mỹ, Hưng Yên (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, Hưng Yên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, qua quen biết xã hội chị Nguyễn Thị T (sinh năm: 1989, HKTT: Thôn M, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, Hưng Yên) là giáo viên dạy hợp đồng tại trường Trung học cơ sở Việt Hưng, huyện V, tỉnh Hưng Yên quen biết với Lương Thị Tân V (sinh năm: 1962; HKTT: Số 2B, phố Lương Yên, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội), Văn nói có mối quan hệ có thể xin được cho chị T vào làm biên chế chính thức tại trường Trung học cơ sở Việt Hưng với chi phí 230.000.000 đồng. Do chị T ra trường đã lâu, chưa xin được biên chế nên khi thấy Văn trao đổi có thể xin được cho chị T vào biên chế, chị T đã tin tưởng và đồng ý. Sau đó, theo yêu cầu của Văn chị T đã đưa trước cho Văn số tiền 100.000.000 đồng, Văn hẹn sau ba tháng khi xin được vào biên chế chính thức, chị T sẽ trả cho Văn số tiền còn lại là 130.000.000 đồng. Ngoài ra, Văn nói với chị T có suất xin vào thành Đoàn tỉnh Hưng Yên, sau ba tháng chính thức được vào biên chế, chi phí mất khoảng 180.000.000 đồng. Chị T nói lại với bạn là chị Đặng Thị H (sinh năm: 1992; HKTT: Thôn Cảnh Lâm, Tân Việt, Yên Mỹ, Hưng Yên). Do cũng đang có nhu cầu xin việc, nên chị H đồng ý và chuyển 100.000.000 đồng cho chị T để nhờ chị T chuyển cho Văn, xin việc cho chị H, hẹn sau ba tháng khi Văn xin cho chị H vào biên chế chính thức, chị H sẽ trả số tiền còn lại cho Văn. Sau đó Văn không xin được cho chị H, chị T đúng như thỏa thuận và không liên lạc với chị T. Ngày 09/10/2019, chị T đã trình báo Cơ quan Công an, đề nghị điều tra làm rõ.

Quá trình tiếp nhận đơn trình báo của chị Nguyễn Thị T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, xác định hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lương Thị Tân V đối với các bị hại là chị Nguyễn Thị T và Đặng Thị H như sau:

Khoảng năm 2014, Lương Thị Tân V làm công nhân chăm sóc cây xanh cho Công ty TNHH một thành viên Công viên thống nhất có trụ sở tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Qua mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, Văn có quen biết với chị Nguyễn Thị T, thời điểm đó là giáo viên dạy hợp đồng tại trường Trung học cơ sở Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Văn biết chị T ra trường và làm hợp đồng đã lâu, thi tuyển công chức rất khó, chị T có nhu cầu muốn vào biên chế chính thức của trường Việt Hưng, mặc dù Văn không phải là người có chức năng, nhiệm vụ tuyển dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, không có mối quan hệ quen biết với các cơ quan tuyển dụng của tỉnh Hưng Yên, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Văn đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị T. Khoảng tháng 6/2014, Văn nói với chị T là có khả năng xin việc cho chị vào biên chế giáo viên tại trường trung học cơ sở Việt Hưng, Văn Lâm, Hưng Yên với chi phí là 230.000.000 đồng. Chị T tin tưởng nên đồng ý. Ngày 22/06/2014, tại số 56, ngõ 351/64 đường Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà

Nội, theo yêu cầu của Văn, chị T đã giao trước cho Văn số tiền 100.000.000 đồng. Tại đây, chị T và Văn có viết giấy vay tiền với nội dung: Văn vay tiền của bố chị T là ông Nguyễn Văn Tiến (sinh năm: 1963; HKTT: Thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, Hưng Yên) để lo việc cho chị T, hẹn sau ba tháng sẽ xin được biên chế cho chị T và chị T sẽ phải trả nốt số tiền 130.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền có ông Dư Văn Vải (sinh năm: 1955, HKTT và chỗ ở: Thôn Trạch Bái, Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội) là bạn Văn, chồng chị T là anh Đỗ Văn Quyển (sinh năm 1987; HKTT: Thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên) và anh Đỗ Xuân Đạo (sinh năm 1967; HKTT: Thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên) là anh rể chị T chứng kiến.

Ngoài ra, trong quá trình đang làm thủ tục cho chị T, chị T có nói với Văn có bạn là chị Đặng Thị H đang có nhu cầu xin việc tại Hưng Yên. Mặc dù không có thông tin và không quen biết ai trong các cơ quan tuyển dụng tỉnh Hưng Yên nhưng Văn nói với chị T có xuất xin vào thành Đoàn tỉnh Hưng Yên trong vòng 3 tháng (từ 16/11/2014 đến 16/02/2015), chị H sẽ được vào công tác tại Thành Đoàn Hưng Yên, chi phí mất khoảng 180.000.000 đồng, sau khi vào công tác tại Thành Đoàn Hưng Yên sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Chị T nói với chị H, chị H đồng ý, đến ngày 16/11/2014 chị H đến nhà chị T nhưng do Văn bận không đến được nên chị H giao cho chị T số tiền 100.000.000 đồng (không có giấy tờ biên nhận) để nhờ chị T đưa lại cho Văn, do tin tưởng Văn nên chị T đã đồng ý nhận số tiền 100.000.000 đồng từ chị H để đưa cho Văn. Ngày 17/11/2014, Văn và ông Dư Văn Vải đến nhà chị T tại thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, tại đây chị T đã đưa cho Văn số tiền 100.000.000 đồng của chị H gửi cho Văn (có viết giấy biên nhận).

Sau khi Văn đã nhận tiền, Văn không nộp hồ sơ, không làm bất cứ thủ tục hay nội dung liên quan nào khác để xin cho chị T vào biên chế tại trường Trung học cơ sở Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và chị H vào làm việc tại Thành Đoàn Hưng Yên. Do không thấy Văn thực hiện đúng cam kết nên chị T đã đòi lại số tiền 200.000.000 đồng, nhưng không liên lạc được với Văn, Văn trốn tránh không trả lại số tiền 200.000.000 đồng đã nhận của chị T, chị H.

Tại Bản kết luận giám định số 1241/KLGD ngày 19/02/2020 của Phòng PC09 – CATP Hà Nội kết luận: 1. Chữ viết đứng tên Lương Thị Tân V trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) với chữ viết đứng tên Lương Thị Tân V trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) là chữ do cùng một người viết ra. 2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lương Thị Tân V trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) với chữ ký đứng tên Lương Thị Tân V trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M3) có phải là do cùng một người ký ra hay không.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại phòng Nội vụ huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và Thành đoàn Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên vào thời điểm năm 2014 tại các đơn vị trên đều không có chỉ tiêu biên chế, tuyển dụng

và không có ai liên hệ xin việc cho chị Nguyễn Thị T và Đặng Thị H. Do đó không có căn cứ xác định Văn đã liên hệ xin việc cho chị T và chị H.

Ông Nguyễn Văn Tiến (bố đẻ của chị T) khai: tại thời điểm chị T trao đổi với Văn để xin việc và viết giấy vay tiền, ông Tiến không biết, không liên quan đến vụ việc trên. Văn tự viết tên ông Tiến trong giấy vay tiền.

Đối với ông Dur Văn Vải (người được Văn nhờ chở đến nhà chị T), ông Vải không biết nội dung thỏa thuận giữa chị T và Văn không biết việc văn lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không được hưởng lợi gì từ Văn. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Dur Văn Vải về hành vi đồng phạm lừa đảo với Lương Thị Tân V.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị T, chị Đặng Thị H đề nghị Lương Thị Tân V bồi thường trả mỗi người số tiền 100.000.000đồng. Hiện Văn chưa bồi thường trả cho chị T, chị H.

Cáo trạng số 39/CT-VKSTX ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai đã truy tố bị cáo Lương Thị Tân V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận việc bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 BLHS Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị Tân V từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 263/2019/HSST ngày 28/8/2019 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 14 năm 06 tháng đến 15 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2018.

Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên miễn áp dụng hình phạt tiền theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường trả cho bị hại chị Nguyễn Thị T 100.000.000đồng, bồi thường trả cho chị Đặng Thị H 100.000.000đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng.

Các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Hoàng Mai, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo nhận tội, không người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo công nhận nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng. Qua xét hỏi và tranh luận bị cáo khai nhận hành vi phạm tội hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người liên quan, kết luận giám định, phù hợp vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2014, mặc dù bị cáo Lương Thị Tân V không làm việc tại các cơ quan có chức năng tuyển dụng vào biên chế của tỉnh Hưng Yên nhưng bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối về việc có mối quan hệ và quen biết người có thể xin được việc cho chị Nguyễn Thị T vào biên chế giáo viên tại trường trung học cơ sở Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và xin được việc cho chị Đặng Thị H vào làm tại thành Đoàn Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã tin tưởng và giao cho bị cáo số tiền 200.000.000đồng (trong đó của chị T 100.000.000đồng của chị H 100.000.000đồng) để nhờ xin việc cho chị T và chị H. Sau khi nhận số tiền 200.000.000đồng bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, bị hại đã nhiều lần đòi tiền nhưng bị cáo không trả và chiếm đoạt đến nay vẫn chưa khắc phục hậu quả trả lại tiền cho bị hại. Do vậy, hành vi của bị cáo Lương Thị Tân V đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai truy tố bị cáo để xét xử theo tội danh đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại lớn về tài sản của các bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hiện nay bị cáo chưa khắc phục hậu quả bồi thường trả tiền cho các bị hại. Về nhân thân của bị cáo, năm 2019 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử phạt 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản hiện đang phải chấp hành án. Với hành vi phạm tội của bị cáo như trên cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập nên miễn áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị T và Đặng Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả mỗi người 100.000.000đồng. Do vậy buộc bị cáo phải bồi thường trả chị Nguyễn Thị T 100.000.000đồng, bồi thường trả cho chị Đặng Thị H 100.000.000đồng.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn Văn Tiến (bố đẻ của chị T) tại thời điểm chị T trao đổi với Văn để xin việc và viết giấy vay tiền, ông Tiến không biết, không liên quan đến vụ việc trên nên không xét.

Đối với ông Dư Văn Vải (người được Văn nhờ chở đến nhà chị T), ông Vải không biết nội dung thỏa thuận giữa chị T và Văn không biết việc Văn lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không được hưởng lợi gì từ bị cáo Văn, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý nên không xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo **Lương Thị Tân V** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lương Thị Tân V 07 (bảy)** năm tù. Tổng hợp với hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 263/2019/HSST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo **07 (bảy)** năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **14 (mười bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2018.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lương Thị Tân V phải bồi thường trả cho chị Nguyễn Thị T 100.000.000đồng (*một trăm triệu đồng*), bồi thường trả cho chị Đặng Thị H 100.000.000đồng (*một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

4/ Án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng: Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, danh mục án phí kèm theo.

Bị cáo Lương Thị Tân V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Công an quận Hoàng Mai;
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thoa

